

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/DS-ST
Ngày: 28 - 10 - 2020
V/v “Tranh chấp HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Giũ
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Danh - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Kim N, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 05, ấp T, xã L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:*
- 1/ Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1953 (Xin vắng mặt).
 - 2/ Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1977 (Có mặt).
 - 3/ Chị Nguyễn Bích P, sinh năm 1975 (vắng mặt).
 - 4/ Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: tổ 04, ấp T, xã L, huyện BT, Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quỹ tín dụng nhân dân B

Địa chỉ: khóm T, thị trấn Q, huyện BT, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2020; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 26/8/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Tô Kim N trình bày:

Bà với bà Nguyễn Thị N1 là bạn ở xóm nên bà N1 có hỏi vay tiền của bà để lo công việc gia đình nên bà cho bà N1 vay tiền lần đầu là vào ngày 15/3 (al)/2009 với số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay thì hai bên thỏa thuận là khi nào bà đòi tiền thì bà N1 sẽ trả cho bà. Số tiền lãi của khoản vay này bà N1 đóng cho bà nhưng không đóng đủ, tính đến ngày 29/12 (al)/2015 bà N1 đóng tiền lãi cho bà được tổng cộng là 9.500.000 đồng, từ đó về sau bà N1 không đóng lãi, bà có đòi tiền lãi thì bà N1 nói đang gặp khó khăn nên chưa có tiền đóng. Đến năm 2017 bà N1 nói với bà là đang kẹt tiền để xoay sở trong gia đình nên hỏi cho vay tiếp 10.000.000 đồng rồi sau này các con bà sẽ trả hết tiền cho bà. Vì bà với bà N1 là bạn thân, nhà gần nhau nên bà cho bà N1 vay tiếp 10.000.000 đồng vào ngày 21/01 (al)/2017. Cả hai lần vay tiền bà N1 đều ký biên nhận với bà, hai biên nhận này là bà N1 nói bà viết đi rồi bà N1 ký nên bà viết nội dung biên nhận, còn bà N1 ký và viết họ tên người nhận. Khoản tiền vay 10.000.000 đồng là hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, bà N1 nói khoảng 02 tháng con đưa tiền bà sẽ trả cho bà, số tiền này bà N1 có đóng lãi cho bà được 02 lần là 800.000 đồng, số tiền lãi và gốc còn lại bà không trả. Hai khoản tiền bà N1 vay của bà thì biên nhận chỉ có bà N1 ký tên, bà giao tiền là tại nhà bà N1 nhưng các lần đưa tiền thì không có chồng con bà N1 ở nhà. Hai khoản tiền này là bà N1 vay có nói cho chồng con hay không thì bà không biết.

Đến ngày 19/04/2019 (dl) nhằm ngày 6/3/2019 (al), khoảng tháng 5/2019 (al) sau khi bà N1 qua đời bà có gặp Nguyễn Bích P và đưa ra biên nhận nợ là bà N1 có vay tiền của bà, P nói là đúng là chữ ký của mẹ. Bà N1 chết nên nay bà yêu cầu chồng bà N1 là ông Nguyễn Thành V và các con bà N1 là anh Nguyễn Thành T, chị Nguyễn Bích P, chị Nguyễn Thị B phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà N1 để lại là trả cho bà số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Tiền lãi bà N1 còn thiếu tiền thì bà không yêu cầu Tòa án xem xét lại và không yêu cầu chồng con bà N1 phải trả và cũng không yêu cầu chồng con bà N1 phải trả lãi cho cho đến khi trả hết nợ.

Anh Nguyễn Thành T trình bày: Anh là con ruột của ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Thị N1 (mẹ anh đã chết vào ngày 6/3/2019), cha mẹ có tất cả 03 người con gồm: Nguyễn Bích P, Nguyễn Thành T và Nguyễn Thị B. Việc bà Tô Kim N khởi kiện gia đình anh yêu cầu trả cho bà N số tiền gốc là

40.000.000 đồng thì anh không đồng ý. Hiện nay Nguyễn Bích P và Nguyễn Thị B còn chung hộ khẩu với gia đình tại tổ 04, ấp T, xã L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long nhưng hiện nay P và B hiện nay đi đâu, làm gì anh không biết. Khi mẹ còn sống thì bà N không có nói chuyện tiền bạc với gia đình anh, đến khi mẹ qua đời thì bà N mới qua nói là mẹ có vay tiền của bà N. Anh không yêu cầu giám định các biên nhận mà bà N đã đưa ra.

Ông Nguyễn Thành V trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị N1, vợ ông chết ngày 06/3(al)/2019. Vợ chồng ông có ba người con là Nguyễn Bích P, Nguyễn Thành T và Nguyễn Thị B. Việc bà N1 vay tiền của bà N là ông không biết. Vì vậy, ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà N.

Tại phiên tòa:

Bà Tô Kim N trình bày: Bà vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như đã trình bày ở trên.

Anh Nguyễn Thành T trình bày: Anh vẫn giữ ý kiến như đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân phát biểu ý kiến:

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi trước Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Kim N.

- Về án phí sơ thẩm:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn là ông Nguyễn Thành V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Quỹ tín dụng nhân dân B có đơn xin giải quyết vắng mặt nên được chấp nhận. Chị Nguyễn Bích P và chị Nguyễn Thị B đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng các đương sự không làm bản tự khai, không có mặt tham gia tố tụng nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Căn cứ biên nhận ngày 15/3(al)/2009 có nội dung Nguyễn Thị N1 có nhận của chị Tô Kim N số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng và biên nhận ngày 21/01(al)/2017 có nội dung Nguyễn Thị N có mượn chị Tô Kim N số tiền 10.000.000 đồng. Cả hai biên nhận có chữ ký và viết họ tên là Nguyễn Thị N1.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó; đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Ông V và anh T không thừa nhận bà N1 có vay tiền của bà N nhưng ông V và anh T đều không có yêu cầu giám định chữ ký trong hai biên nhận có phải do bà N1 ký tên hay không. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2020 anh Nguyễn Thành T trình bày là việc mẹ anh bà Nguyễn Thị N1 vay tiền của bà Tô Kim N thì anh có biết nhưng không biết số tiền bao nhiêu và vào thời gian nào; theo anh tờ biên nhận ngày 15/3/2019 (al) và ngày 21/01/2017 (al) thì chữ ký tên N1 là của mẹ anh ký, còn các chữ viết khác không phải do mẹ anh viết; theo anh mẹ anh vay tiền của bà N1 để cho em anh là Nguyễn Thị B tiêu dùng. Như vậy, lời trình bày của anh T là phù hợp với lời trình bày của bà N nên có căn cứ xác định bà N có vay tiền của bà N theo hai biên nhận là 40.000.000 đồng.

Căn cứ trích lục khai tử ngày 15/7/2019 bà Nguyễn Thị N1 chết ngày 06/6/2019 tại nhà riêng ấp T, xã L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ công văn số 03/TB-CAX ngày 20/8/2020 của Công an xã Thành Lợi có nội dung là bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1954 có hộ khẩu tổ 05, ấp T, xã L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, bà N1 đã chết nhưng chưa xóa hộ khẩu, các thành viên chung hộ khẩu có con là Nguyễn Bích P, Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị B; Ông Nguyễn V là chồng bà Nguyễn Thị N1 ở cùng địa chỉ nhưng không đăng ký

thường trú tại hộ bà Nguyễn Thị N1. Bà Tô Kim N cho rằng hai biên nhận trên bà Nguyễn Thị N1 chưa trả tiền cho bà. Bà N cho rằng số tiền này khi cho bà N1 vay thì chồng con bà N1 không biết nên có căn cứ xác định đây là nợ riêng của bà N1. Nay bà N yêu cầu chồng và con bà N1 phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả cho bà 40.000.000 đồng trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị N1 chết để lại là đúng quy định của pháp luật. Bà N không yêu cầu chồng con bà N1 phải trả tiền lãi và cũng không yêu cầu chồng con bà N1 phải trả lãi cho cho đến khi trả hết nợ là sự tự nguyện của bà N nên được chấp nhận.

Căn cứ vào và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 29/6/2016 và hợp đồng tín dụng ngày 29/12/2017 thì bà Nguyễn Thị N1 có thế chấp tài sản là thửa 774 diện tích 110m² đất thổ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 07/11/2002 và thửa 304 diện tích 77,5m² đất ở và đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 05/10/2015, hai thửa đất này đều tọa lạc ấp T, xã L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, do bà Nguyễn Thị N1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vay của Quỹ tín dụng nhân dân B số tiền gốc là 120.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ là hai thửa đất nêu trên là di sản của bà Nguyễn Thị N1. Do đó, ông Nguyễn Thành V, chị Nguyễn Bích P, anh Nguyễn Thành T, chị Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Tô Kim N số tiền 40.000.000 đồng trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị N1 chết để lại. Do hiện nay bà N1 chưa trả hết tiền gốc và lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân B nên khi giải quyết nợ của bà N1 cho bà N thì phải ưu tiên thanh toán khoản nợ của bà Nhung cho Quỹ tín dụng nhân dân B trước khi phát mãi tài sản này để thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành V, chị Nguyễn Bích P, anh Nguyễn Thành T, chị Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng. Ông Nguyễn Thành V là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 615 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Kim N:

- Buộc ông Nguyễn Thành V, chị Nguyễn Bích P, anh Nguyễn Thành T, chị Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Tô Kim N số tiền 40.000.000 đồng trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị N1 chết để lại là thửa 774 diện tích 110m² đất thổ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 07/11/2002 và thửa 304 diện tích 77,5m² đất ở và đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 05/10/2015, hai thửa đất này đều tọa lạc ấp T, xã L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, do bà Nguyễn Thị N1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do hiện nay bà N1 chưa trả hết tiền gốc và lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân B nên khi giải quyết nợ của bà N1 cho bà N thì phải ưu tiên thanh toán khoản nợ của bà N1 cho Quỹ tín dụng nhân dân B trước khi phát mãi tài sản này để thi hành án.

- Ông Nguyễn Thành V, chị Nguyễn Bích P, anh Nguyễn Thành T, chị Nguyễn Thị B không phải chịu tiền lãi đối với số tiền phải trả.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành V, chị Nguyễn Bích P, anh Nguyễn Thành T, chị Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng

